



zhù zi

柱子

Noun · pillar

Example Sentences

zhè shì yī gēn zhù zǐ

这是一根柱子。

This is a pillar.

Zhè zuò gǔ miào de zhù zi shì yòng zhěng gēn mù tóu zuò de

这座古庙的柱子是用整根木头做的。

The pillars of this ancient temple are made from whole logs.

zhè gēn zhù zi zhī chēng zhe zhěng gè dà tīng de wú dǐng jié gòu

这根柱子支撑着整个大厅的屋顶结构。

This pillar supports the entire roof structure of the hall.

Trace each character, then write the word on your own.

柱 柱 柱 柱 柱 柱 柱 柱 柱 柱 柱

柱

子 子 子 子 子 子